



TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ

TỔNG QUAN

CTS DỰ BÁO NĂM 2024	ĐƠN VỊ	TÍCH CỰC	TIÊU CỰC
Chỉ số giá tiêu dùng - CPI	% yoy	3,5%	> 3,5%
Tỷ giá USD/VND	VNĐ	24.300 – 24.800	> 24.800
Tăng trưởng tín dụng	% yoy	≥ 15%	< 15%
Tăng trưởng vốn FDI đăng ký mới	% ytd	15%	< 15%
Giải ngân đầu tư công	% ytd	85 – 95%	< 85%
Tăng trưởng GDP	% yoy	6,0%	< 6,0%

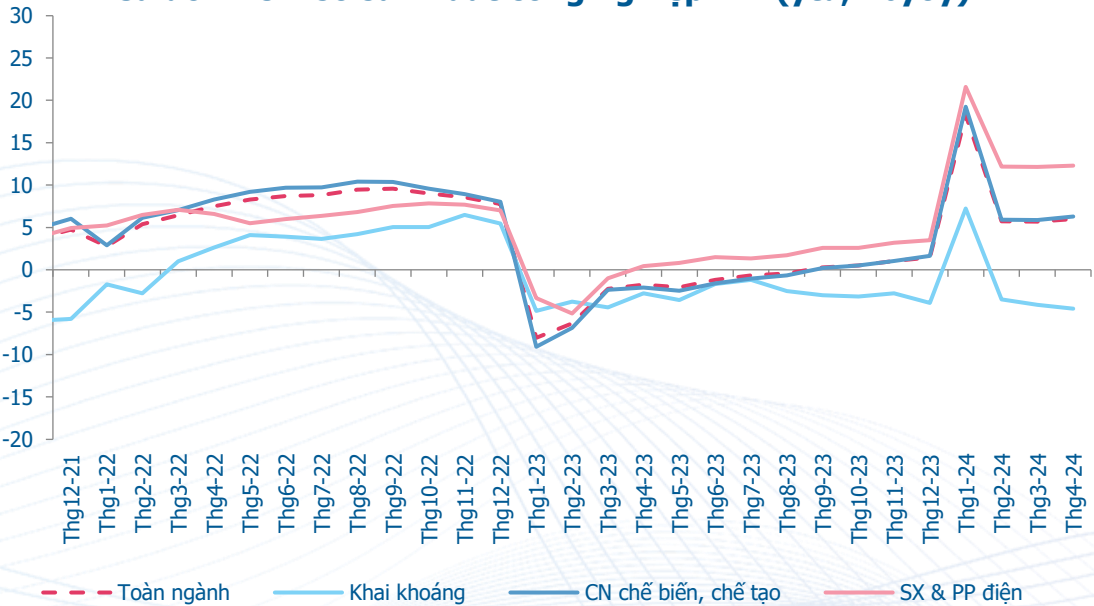
Chú thích: CTS dự báo khả năng có thể xảy ra

ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ VIỆT NAM 4T/2024

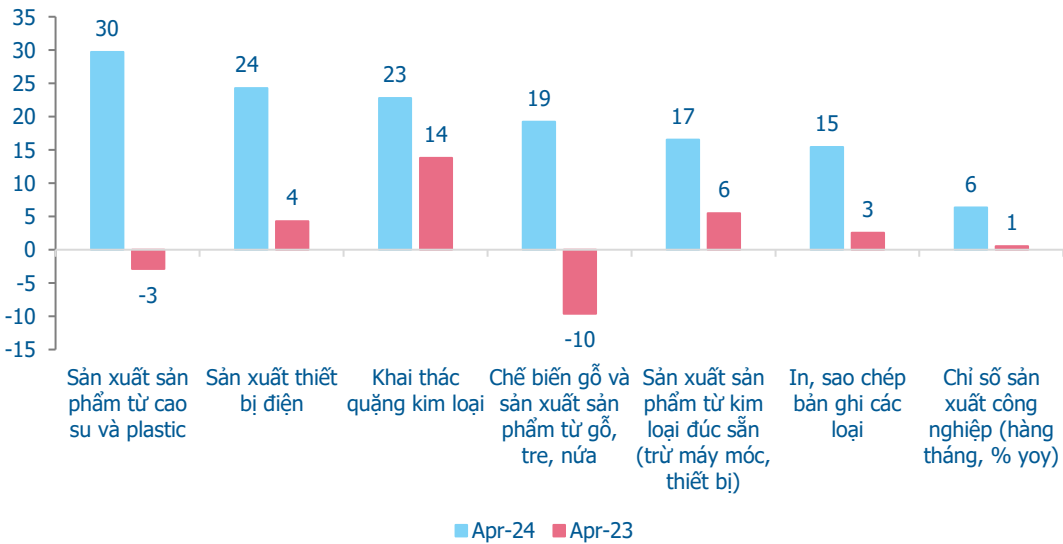
SẢN XUẤT KINH DOANH CHO THẤY TÍN HIỆU TÍCH CỰC TRỞ LẠI

- Trong 4 tháng đầu năm 2024, **Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)** ước tính tăng 6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 6,3%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 12,3%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,3%; ngành khai khoáng giảm 4,6%.
- Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 04/2024 đạt 50,3 điểm**, tăng nhẹ so với mốc 49,9 điểm của tháng 3, cho thấy sức khỏe ngành sản xuất cải thiện nhẹ, và đây là lần cải thiện thứ ba trong bốn tháng qua. Trong đó, có 3 điểm nổi bật là sản lượng tăng trưởng trở lại nhờ số lượng đơn đặt hàng mới tăng; giá cả được ghi nhận giảm tháng thứ hai liên tiếp và việc làm giảm lần đầu tiên trong ba tháng.

Biểu đồ 1: Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP (ytd, %yoy)



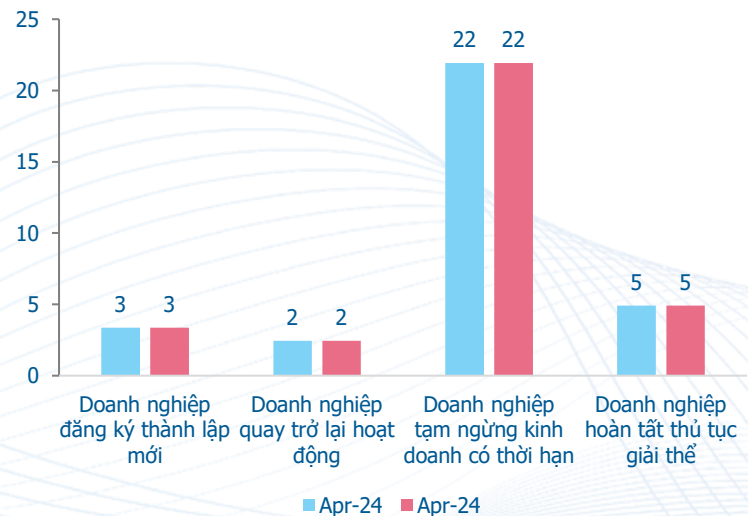
Biểu đồ 2: Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP, phân loại theo các ngành công nghiệp



DOANH NGHIỆP ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI TĂNG

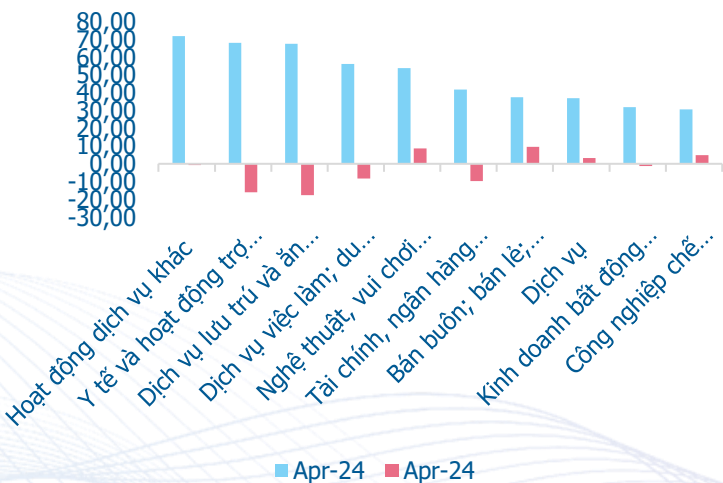
- Tính đến tháng 4 năm 2024, cả nước có khoảng 51,6 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2023, với tổng vốn đăng ký đạt 508 nghìn tỷ đồng, tăng 9,3% so với cùng kỳ. Cùng với hơn 533 nghìn tỷ đồng đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp đang hoạt động, vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp trong 04 tháng năm 2024 đạt 9,9 tỷ đồng, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm 2023.
- Các doanh nghiệp thành lập mới đa phần có quy mô nhỏ (từ 0-10 tỷ đồng) với 47,5 nghìn doanh nghiệp, chủ yếu thuộc nhóm ngành dịch vụ (38,6 nghìn doanh nghiệp), công nghiệp và xây dựng (12,4 nghìn doanh nghiệp). Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ghi nhận số doanh nghiệp ít nhất với 507 doanh nghiệp thành lập mới, chiếm 1% số doanh nghiệp thành lập mới. Kinh doanh bất động sản là lĩnh vực có số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động có mức tăng cao nhất (22,3%, 1.302 doanh nghiệp), theo sau đó là thông tin truyền thông (17,5% và 724 doanh nghiệp).

Biểu đồ 3: Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới (đơn vị: %)



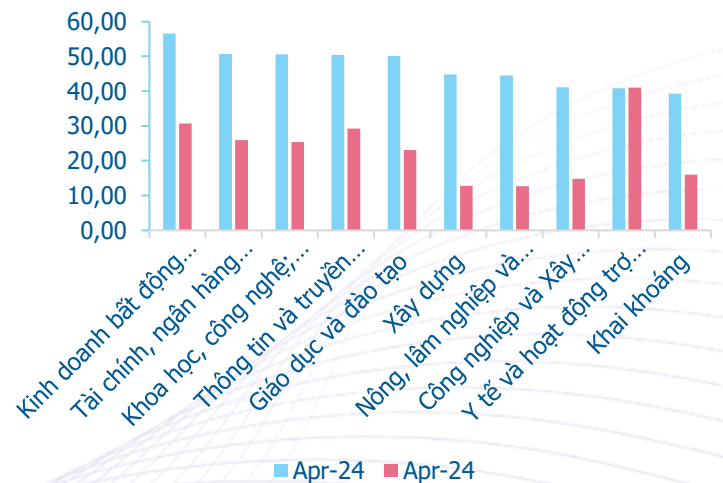
Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 4: Tăng trưởng doanh nghiệp đăng ký mới tăng nhiều nhất (đơn vị: %)



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 5: Tăng trưởng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn tăng nhiều nhất (đơn vị: %)

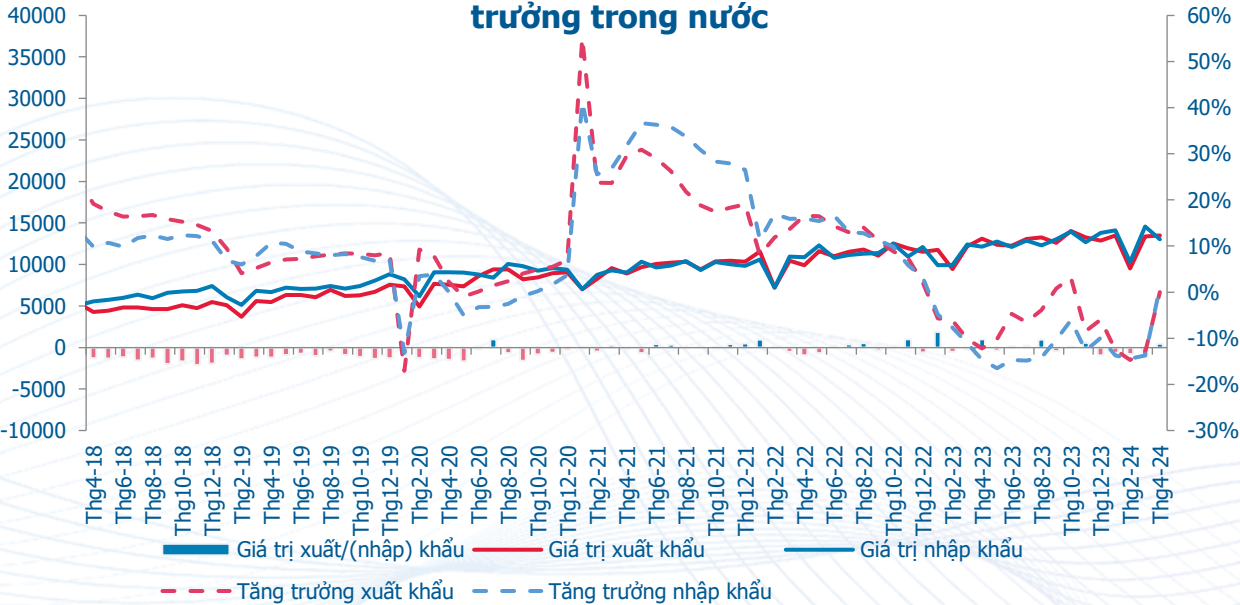


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

XUẤT NHẬP KHẨU TRỞ LẠI ẦN TƯỢNG

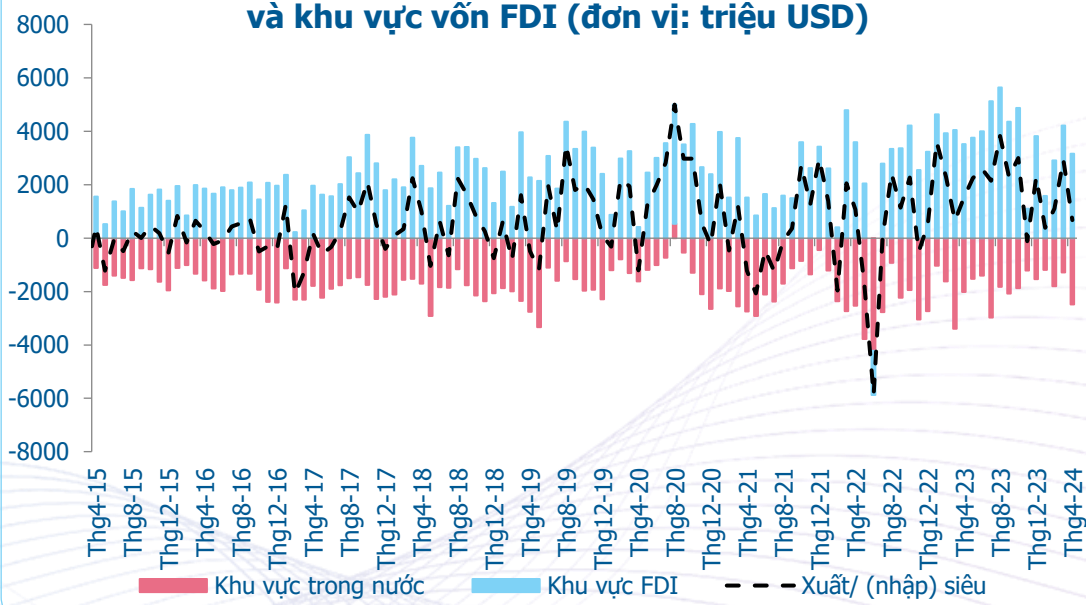
- Tính chung 4 tháng đầu năm 2024, **tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 238,88 tỷ USD**, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 15%; nhập khẩu tăng 15,4%. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 33,62 tỷ USD, tăng 21%, chiếm 27,2% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 90,02 tỷ USD, tăng 12,9%, chiếm 72,8%. Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2024, nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản ước đạt 1,73 tỷ USD, chiếm 1,4%; nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 108,27 tỷ USD, chiếm 87,5%; nhóm hàng nông sản, lâm sản ước đạt 10,96 tỷ USD, chiếm 8,9%; nhóm hàng thủy sản ước đạt 2,68 tỷ USD, chiếm 2,2%.
- Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 4 tháng đầu năm 2024, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 34,1 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 41,6 tỷ USD.

Biểu đồ 6: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu và tốc độ tăng trưởng trong nước



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 7: Giá trị xuất nhập khẩu khu vực trong nước và khu vực vốn FDI (đơn vị: triệu USD)

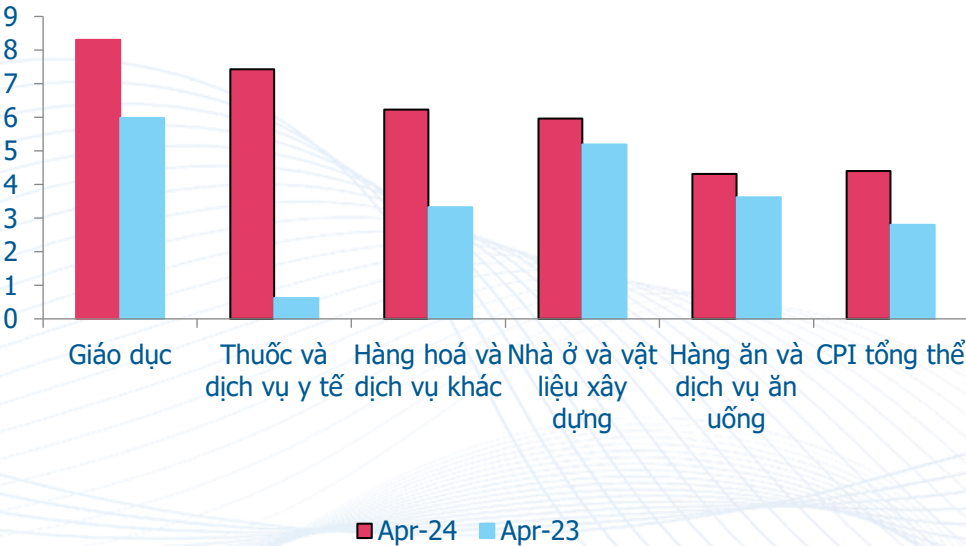


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

LẠM PHÁT VẪN ĐANG TRONG TẦM KIỂM SOÁT ỔN ĐỊNH

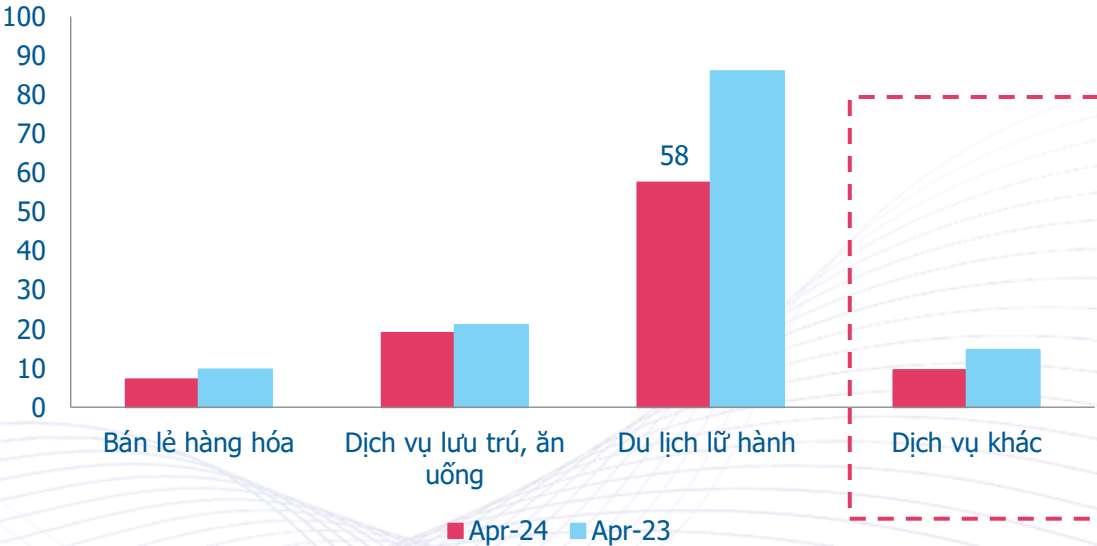
- Trong tháng 4, chỉ số CPI vẫn **tăng 0,07% so với tháng trước** đó và **tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước**. Bình quân 4 tháng đầu năm 2024, chỉ số CPI tăng 3,93% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số giá nhóm hàng giáo dục tháng 4/2024 tăng cao nhất trong các nhóm hàng, tăng 8,31% làm CPI chung tăng 0,51 điểm phần trăm do trong năm học 2023-2024 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tăng mức học phí theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.
- Tính chung 4 tháng đầu năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt **2.062,3 nghìn tỷ đồng, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước** (cùng kỳ năm 2023 tăng 13,3%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,3% (cùng kỳ năm 2023 tăng 8,7%). Doanh thu bán lẻ hàng hóa 4 tháng đầu năm 2024 ước đạt 1.594,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 77,3% tổng mức và tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước (loại trừ yếu tố giá tăng 4,4%).

Biểu đồ 8: Chỉ số giá tiêu dùng CPI, so với cùng kỳ năm trước



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 9: Tăng trưởng tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

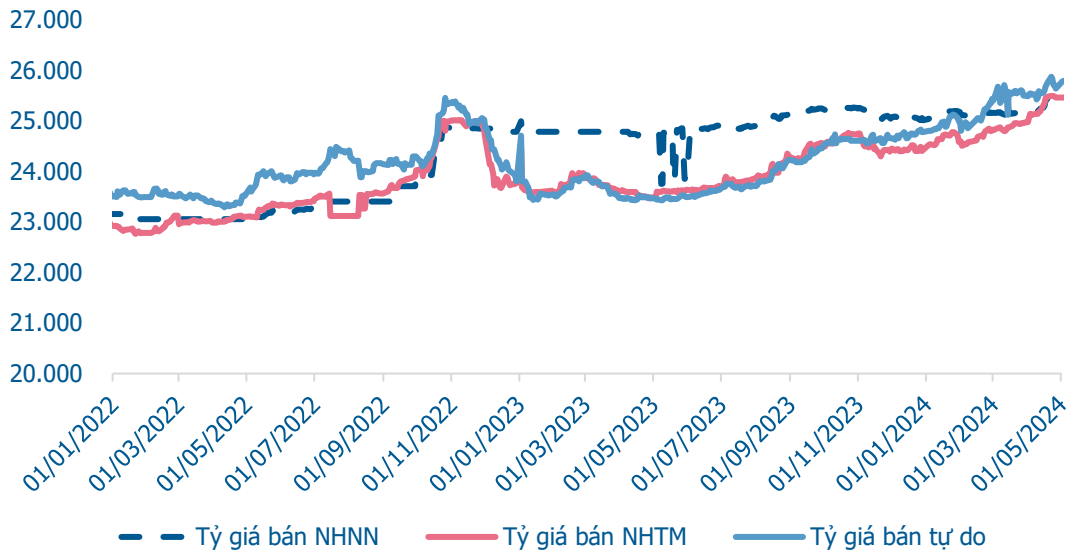


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

TỶ GIÁ USD/VND BẤT NGỜ BẬT TĂNG TRỞ LẠI, GÂY ÁP LỰC LÊN NỀN KINH TẾ

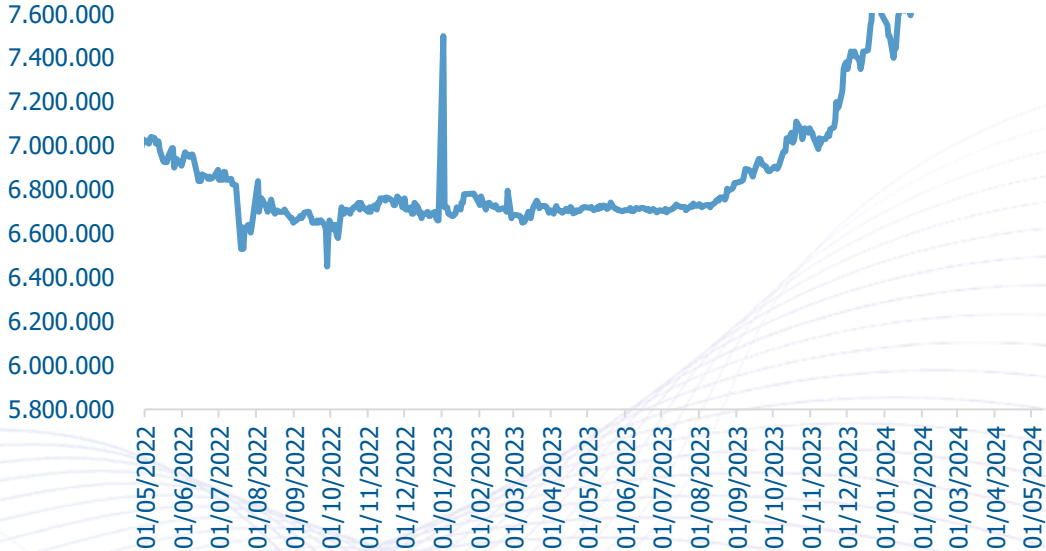
- Đồng đô la Mỹ trên thị trường thế giới bất ngờ bật tăng trở lại và neo ở vùng giá cao trong nhiều tháng vừa qua, trong bối cảnh FED phát đi thông điệp sẽ tiếp tục giữ lãi suất ở mức cao và sớm nhất là tới tháng 09/2024 mới bắt đầu cắt giảm lãi suất. Tính đến ngày 01/05/2024, tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với USD đang ở mốc 24.246 VNĐ. Hiện tỷ giá USD các ngân hàng thương mại (NHTM) được phép giao dịch trong biên độ từ 23.400 – 25.450 USD/VND. Chúng tôi đánh giá, nguyên nhân tỷ giá bật tăng mạnh trở lại một phần nguyên nhân đến từ việc FED không hạ sớm lãi suất như dự kiến như kế hoạch, ngoài ra nhập khẩu liên tục phục hồi trong thời gian qua khiến cho các doanh nghiệp phải đẩy mạnh nhập khẩu nguyên liệu đầu vào.
- **Giá vàng biến động mạnh trong thời gian qua.** Tính đến tháng 03/2024, bình quân giá vàng thế giới vẫn dao động mức 2.334 USD/ounce, tăng so với đầu năm. Ở trong nước, giá vàng SJC cũng đang tiệm cận ở vùng giá 83 – 85 triệu đồng, vùng giá cao trong nhiều năm trở lại đây.

Biểu đồ 10: Tỷ giá USD/VND



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 11: Tỷ giá vàng bán ra SJC Hà Nội



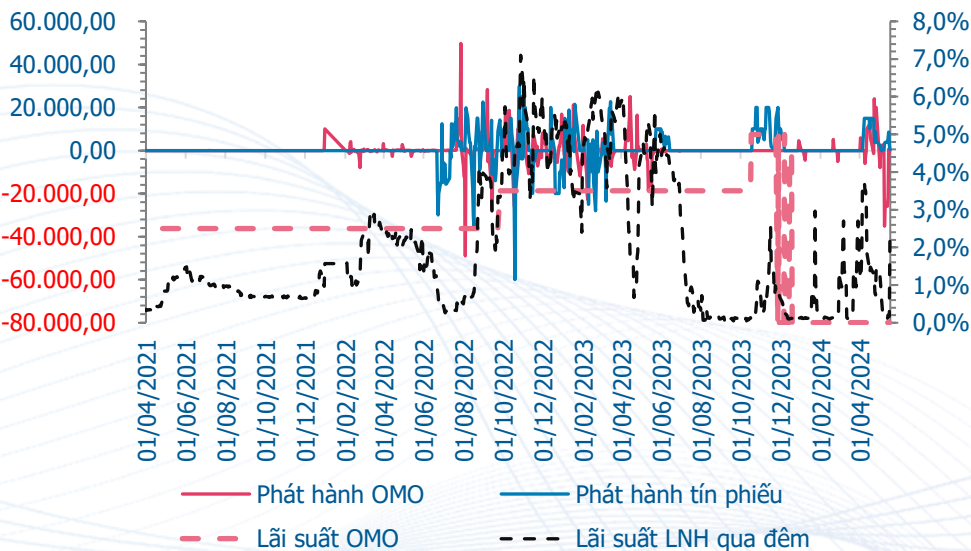
Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

NHNN TIẾP TỤC PHÁT HÀNH TRÊN KÊNH TÍN PHIẾU

- Trong tháng 4/2024, Kho bạc Nhà nước đã tổ chức 17 phiên đấu thầu trái phiếu chính phủ với **tổng giá trị gọi thầu là 49 nghìn tỷ đồng, tỷ lệ trúng thầu là 46,4%.**
- Tổng khối lượng Trái phiếu chính phủ (TPCP) phát hành thông qua đấu thầu trong 4 tháng đầu năm 2024 là gần 103 nghìn tỷ đồng, tương đương 25,7% kế hoạch cả năm, trong đó khối lượng TPCP phát hành tháng 4/2024 là 22,7 tỷ đồng, đạt 19% kế hoạch Quý 2.

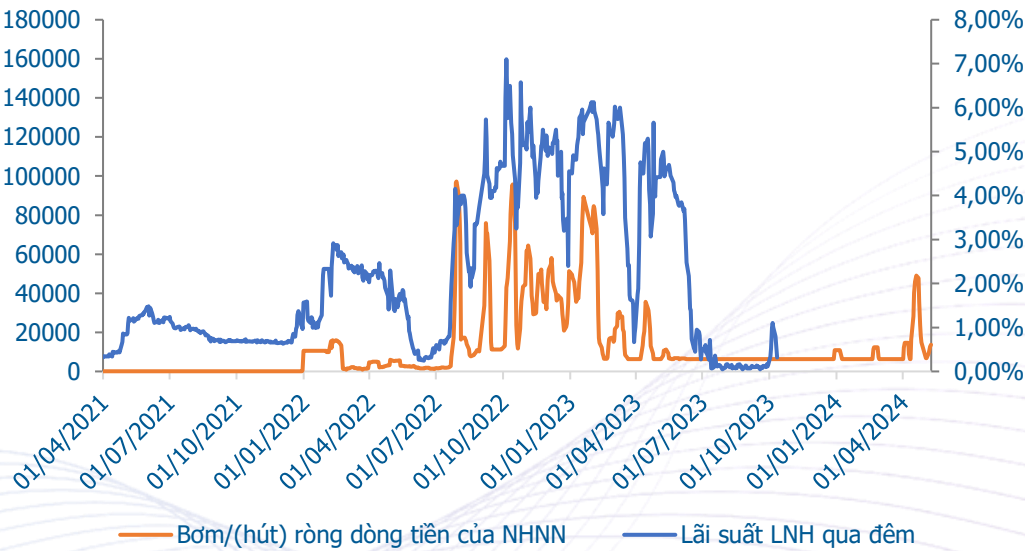
- Lãi suất liên ngân hàng trong tháng 04 tăng hầu hết ở các kỳ hạn. **Tổng giá trị giao dịch trong tháng đạt hơn 6,1 triệu tỷ đồng, tăng gần 5% so với tháng trước.**
- Nghiệp vụ thị trường mở: trong tháng 04, NHNN tiếp tục phát hành trên kênh tín phiếu tổng cộng **51,3 nghìn tỷ đồng tín phiếu kỳ hạn 28 ngày.**

Biểu đồ 12: Khối lượng phát hành OMO và tín phiếu



Nguồn: SBV; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 13: Lãi suất LNH qua đêm và cung tiền từ NHNN

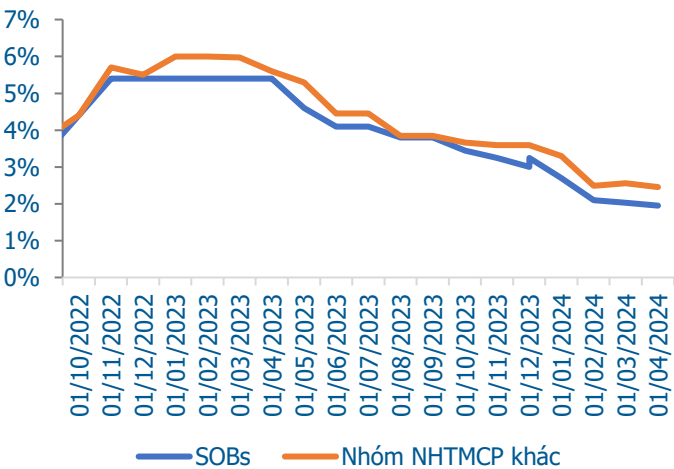


Nguồn: SBV; CTS tổng hợp và dự báo

LÃI SUẤT ĐIỀU HÀNH DUY TRÌ Ở MỨC ỔN ĐỊNH

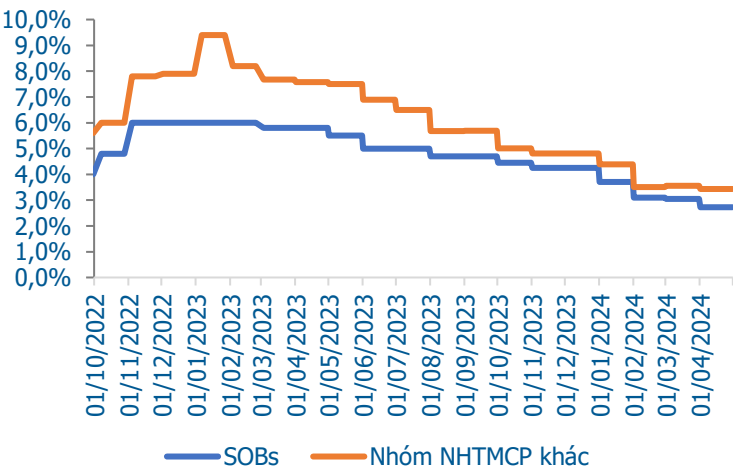
- Hiện tại lãi suất tái cấp vốn vẫn đang duy trì ở mức 4,5%/năm, lãi suất tái chiết khấu duy trì ở mức 3% và lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là 5%/năm.
- Mặt bằng lãi tiền gửi các kỳ hạn cũng ghi nhận giảm mạnh trong thời gian vừa qua. Cụ thể (1) Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng của 4 ngân hàng quốc doanh là 2% - 2,5%, của các NHTM là 2,5%-3%. (2) Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 6-9 tháng của các NHTM là 3,5% - 4%. (3) Lãi suất tiền gửi kỳ hạn từ 12 tháng của các NHTM là khoảng 4,5%-5%.
- Việc các NHTM tiến hành giảm lãi suất huy động kỳ hạn ngắn một phần đến từ nguyên nhân do thanh khoản đang dư thừa và tăng trưởng tín dụng đang ở mức thấp trong thời gian vừa qua.

Biểu đồ 14: Lãi suất tiền gửi VND từ 3 đến <6 tháng



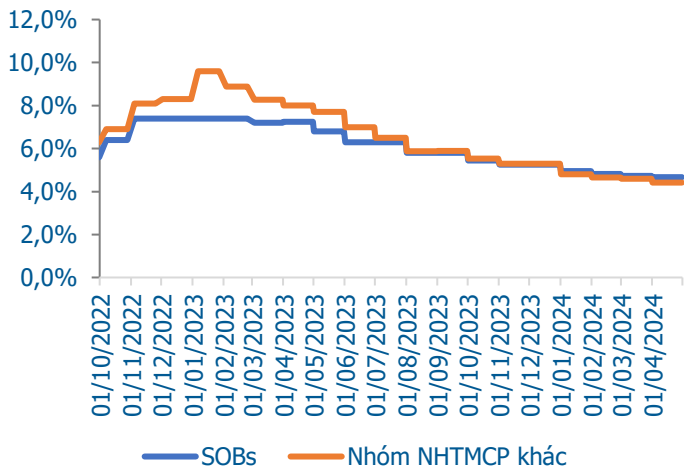
Nguồn: SBV, Bloomberg; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 15: Lãi suất tiền gửi VND từ 6-9 tháng



Nguồn: SBV, Bloomberg; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 16: Lãi suất tiền gửi VND từ 12 tháng

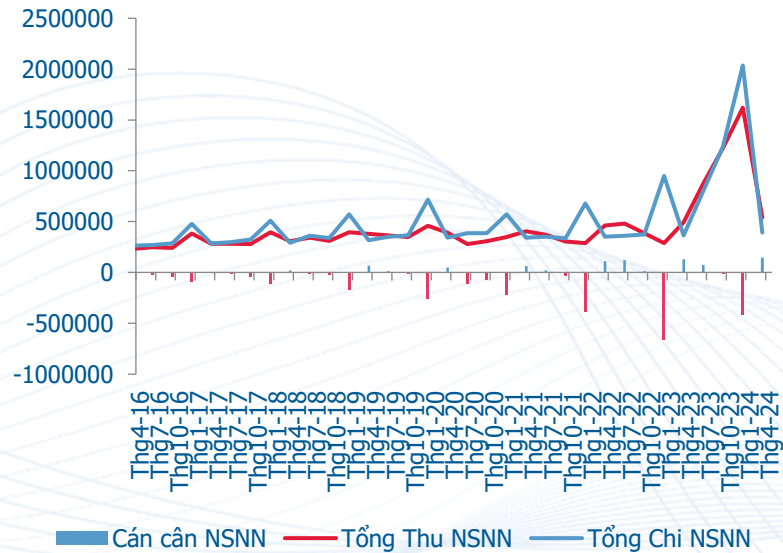


Nguồn: SBV, Bloomberg; CTS tổng hợp và dự báo

TỔNG THU NSNN 04 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 ĐẠT 733,4 NGHÌN TỶ ĐỒNG

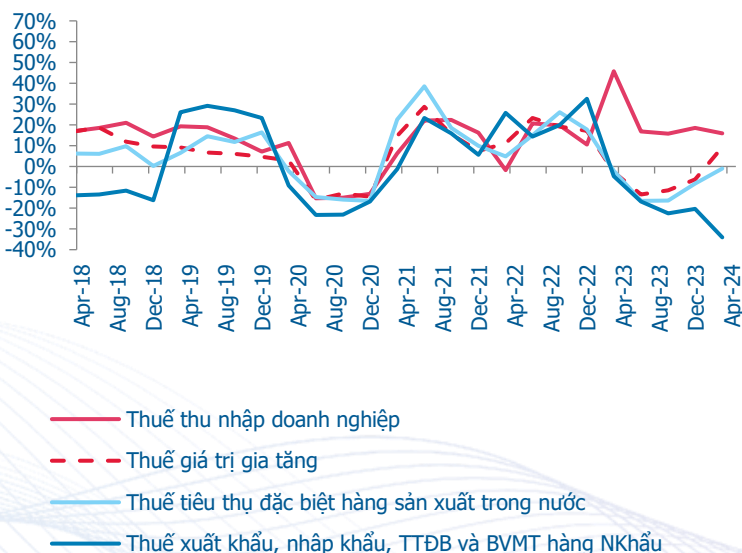
- Theo Bộ Tài Chính, **tổng thu ngân sách nhà nước 4 tháng đầu năm 2024 ước đạt 733,4 nghìn tỷ đồng, bằng 43,1% dự toán, tăng 10,1% so cùng kỳ.** Trong đó, thu nội địa ước đạt 629,9 nghìn tỷ đồng, bằng 43,6% dự toán, tăng 12,9% so cùng kỳ năm 2023; thu dầu thô đạt 21,2 nghìn tỷ đồng, bằng 46,2% dự toán, tăng 0,6% so cùng kỳ năm 2023.
- Về chi NSNN, lũy kế chi 4 tháng đạt 522,2 nghìn tỷ đồng, bằng 24,6% dự toán, tăng 4,4% so cùng kỳ năm 2023. Trong đó chi đầu tư phát triển ước đạt khoảng 115,9 nghìn tỷ đồng, bằng 17,1% dự toán Quốc hội quyết định, tỷ lệ giải ngân ước đạt 17,46% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

Biểu đồ 17: Cân đối thu - chi ngân sách nhà nước



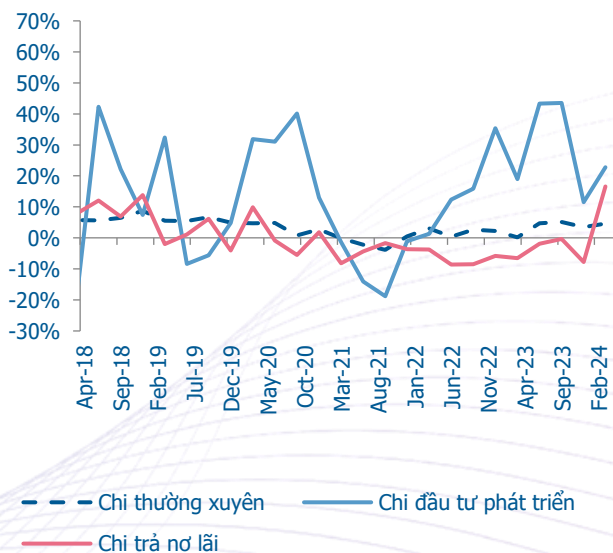
Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 18: Tăng trưởng các khoản thu chính



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 19: Tăng trưởng các khoản chi chính

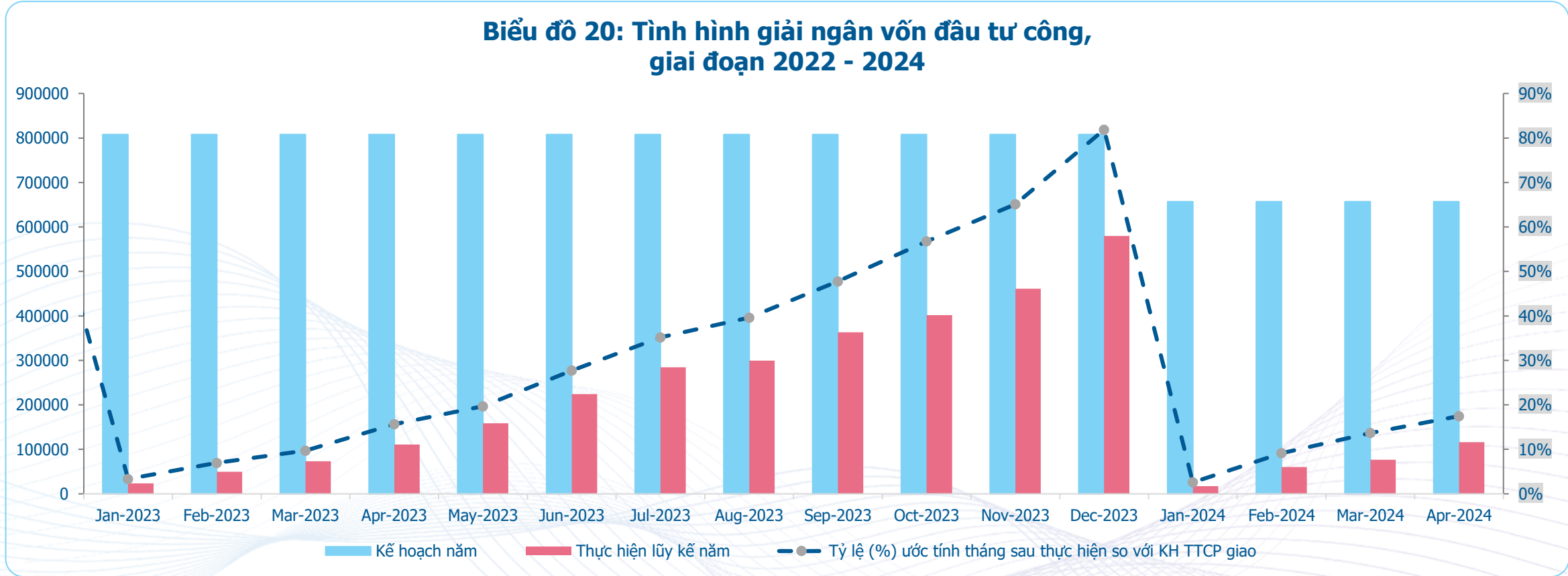


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

ƯỚC GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG 4 THÁNG ĐẠT 16,4%

- Theo Bộ Tài chính, tỷ lệ ước giải ngân vốn đầu tư công 04 tháng năm 2024 ước đạt 59.998,1 tỷ đồng, đạt 16,4% tổng kế hoạch; đạt 17,5% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (663.807 tỷ đồng).
- Như vậy, tỷ lệ giải ngân ước 4 tháng của cả nước tăng so với cùng kỳ năm trước, bởi cùng kỳ năm 2023 giải ngân đạt 14,7% tổng kế hoạch và 15,7% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Có khoảng 35/63 địa phương có tỷ lệ ước giải ngân đạt trên mức bình quân chung của cả nước.

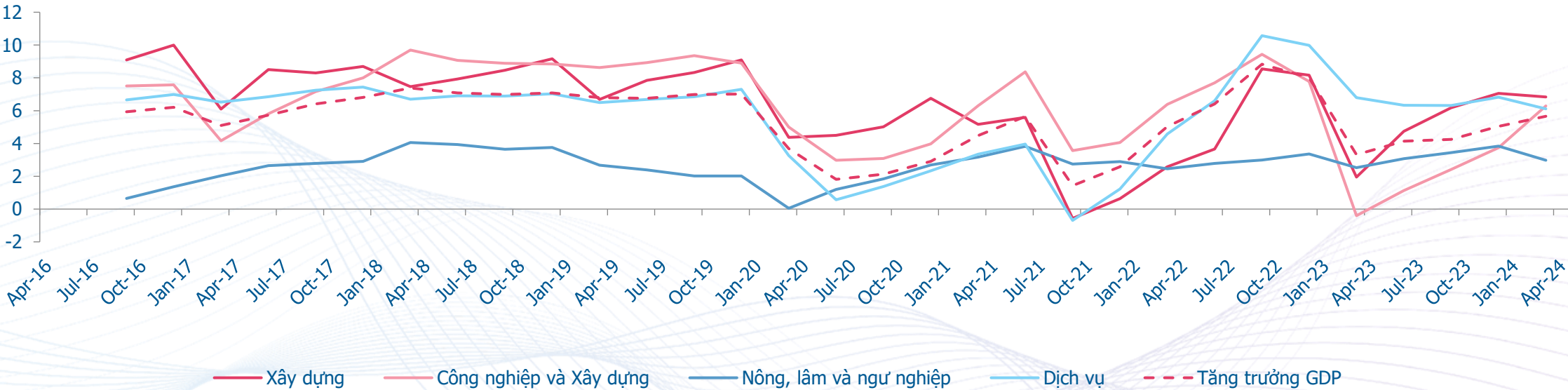
Biểu đồ 20: Tình hình giải ngân vốn đầu tư công, giai đoạn 2022 - 2024



NỀN KINH TẾ ĐANG CÓ NHỮNG BƯỚC CHUYỂN MÌNH TÍCH CỰC

- Tăng trưởng GDP Q1/2024 là 5,66% so với cùng kỳ năm trước, ghi nhận xu hướng tăng trưởng tích cực, cao hơn tốc độ tăng của Q1 của các năm từ 2020-2023.
- Về cơ cấu nền kinh tế Q1/2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,77%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 35,73%; khu vực dịch vụ chiếm 43,48%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,02%.
- Tuy nhiên, nhiều biến số khó lường từ giờ đến cuối năm chắc chắn sẽ là thách thức cho tốc độ tăng trưởng GDP của nền kinh tế Việt Nam.
- Quốc Hội đã thông qua mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2024 đạt 6,0%-6,5%. Hàng loạt tổ chức quốc tế uy tín, cũng đã dự báo tăng trưởng GDP của nước ta trong khoảng 6,5% như World Bank, IMF.

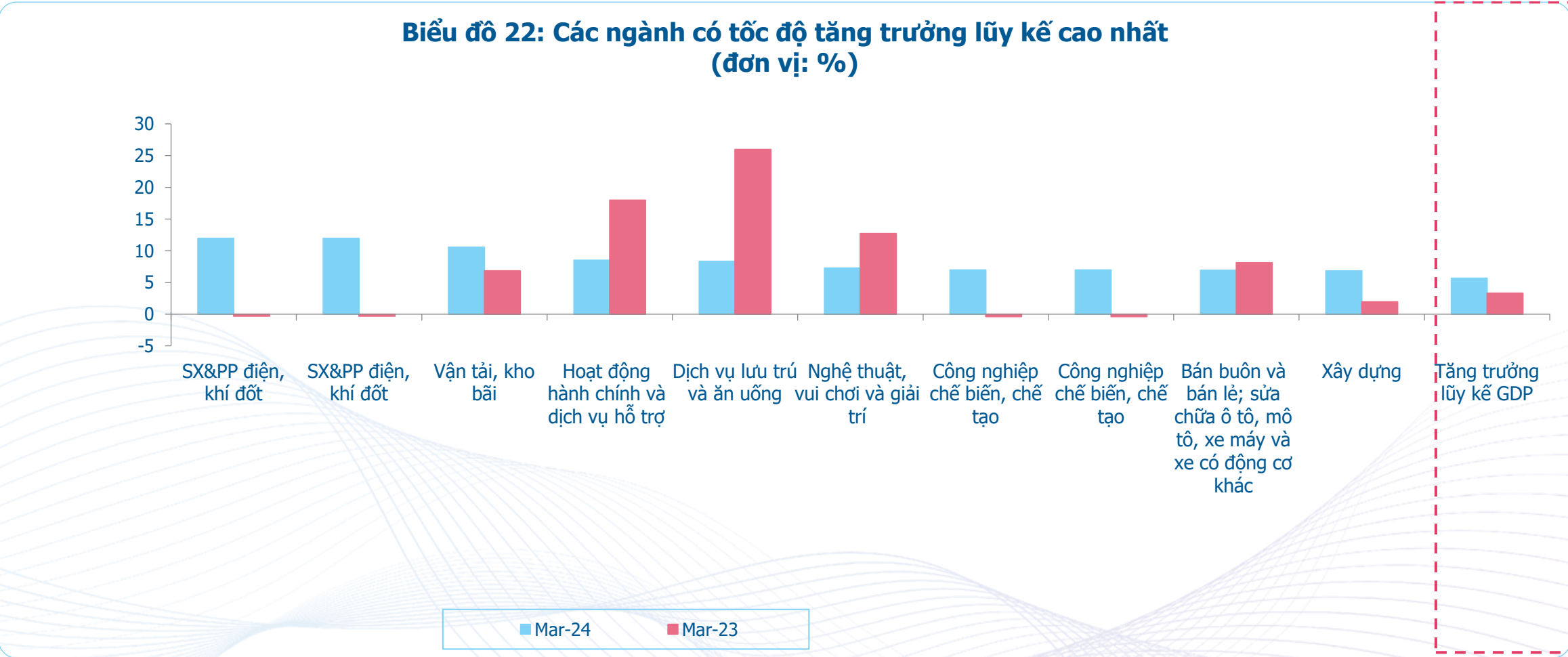
Biểu đồ 21: Tăng trưởng lũy kế GDP và các khu vực kinh tế, giai đoạn 2016 – 2024 (đơn vị: %)



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG LŨY KẾ CÁC NGÀNH (THEO QUÝ)

- Dịch vụ lưu trú và ăn uống; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ và nghệ thuật, vui chơi và giải trí đang là những ngành có tốc độ tăng trưởng khả thi nhất kể từ đầu năm 2024.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Trụ sở chính

📍 Tòa N02-T2 Khu Ngoại Giao Đoàn, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

☎ 024 3974 1771 📠 024 3974 1760

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

📍 49 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

☎ 024 3974 1771 📠 028 3820 0899

Chi nhánh Đà Nẵng

📍 36 Trần Quốc Toản, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

☎ 024 3974 1771 📠 023 6358 4788